

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 20-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gia

Ông Dương Viết Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 164/2018/TLST-HS, ngày 21 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm N, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Dương Thị H; chồng: Lâm Văn U, sinh năm 1987 và có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014); Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo không bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại.

(Có mặt)

Bị hại:

1. Chị Vũ Thị L, sinh năm: 1981.

Nơi cư trú: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Xóm M, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Lâm Văn U, sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: Xóm N, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

Người chứng kiến:

Chị Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Tổ 2, phường M, TP. S, tỉnh Thái Nguyên.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thương, sinh năm 1990, trú tại: Xóm N, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên là công nhân của Công ty KET Vina thuộc khu công nghiệp Đ, huyện P, Thái Nguyên. Ngày 19/10/2018, T bị công ty cho nghỉ việc, vào khoảng 08 giờ ngày 20/10/2018, T đến công ty để trả lại một số đồ dùng cá nhân cho công nhân, T đi vào phòng để tủ đồ cá nhân của công nhân trong công ty. T quan sát thấy tủ đồ của chị Vũ Thị L, sinh năm 1981, trú tại: Xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang không khóa, T mở tủ của chị L ra thì thấy trong tủ có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5; 01 sạc pin dự phòng và số tiền 500.000 đồng. T quan sát trong phòng không có ai, T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nêu trên cho vào ba lô của

T. Tiếp đó; T dùng chìa khóa của mình mở tủ đồ cá nhân của chị Phạm Thị H lấy trộm 1 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 400.000 đồng, T tiếp tục dùng chìa khóa mở tủ đồ khác để tìm tài sản trộm cắp nhưng không mở được, T dùng khóa tủ của mình mở khóa tủ của Trần Thị H, sinh năm 1986 nhưng không được. T quan sát thấy trong tủ đồ của chị H có 1 chiếc chìa khóa, T liền dùng chiếc chìa khóa này thì mở được tủ của chị H và lấy trộm 1 chiếc điện thoại Iphone 4, T lại tiếp tục mở thêm tủ đồ khác nhưng không mở được. Sau khi lấy được số tài sản nêu trên, T cất giấu vào ba lô của T rồi ra về, trên đường về T có ý định mang tài sản trộm cắp được bán lấy tiền thì phát hiện ra trong số tài sản trộm cắp được có tài sản chị L là người quen nên đã mang về nhà, đến chiều cùng ngày biết việc trộm cắp bị phát hiện T đã mang tài sản trộm cắp được đến công ty giao nộp và đã khai nhận về hành vi của mình.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 20/10/2018 chị Vũ Thị L, Phạm Thị H và Trần Thị H có đơn trình báo gửi Công an huyện P đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản với 1(một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5; 1(một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 4; 1(một) điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 và 1(một) sạc pin dự phòng tất cả đã qua sử dụng. tại bản kết luận định giá tài sản số 269/KL-ĐG ngày 26/10/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định giá trị toàn bộ số tài sản nêu trên là 1.150.000đồng. Tổng số tài sản T chiếm đoạt có giá trị là 2.050.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSPB ngày 20/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Nguyễn Thị T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra và khẳng định: Vào khoảng 8 giờ ngày 20/10/2018, tại Công ty Két vina, thuộc khu công nghiệp Đ, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5; 01 sạc pin dự phòng và 500.000 đồng của chị L;

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 của chị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 400.000 đồng của chị H, mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, nhưng chưa kịp mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện thu giữ.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, kết luận giữ quan điểm truy tố và đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bị hại: Chị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5; 01 sạc pin dự phòng và 500.000 đồng; Chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng; Chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 400.000 đồng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh U 01(một) xe mô tô BKS 35B2-291.89 nhãn hiệu Honda màu sơn xanh đen bạc để quản lý, sử dụng.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội làm lại từ đầu và nuôi dạy con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 8 giờ ngày 20/10/2018, tại Công ty Két vina, thuộc khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của: chị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5; 01 sạc pin dự phòng và 500.000đồng; chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4; chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 400.000đồng nhằm mục đích để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị là 2.050.000đ(Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự để răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng; gây thiệt hại không lớn; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2, điều 51 của Bộ luật hình sự;

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội vẫn có thể cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy, bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo thu nhập bình quân đầu người thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Cơ quan CSĐT đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại: Chị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5; 01 sạc pin dự phòng và 500.000đồng; chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng; chị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 và 400.000 đồng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh U 01 xe mô tô BKS 35B2-291.89 nhãn hiệu Honda màu sơn xanh đen bạc để quản lý, sử dụng và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của các bị hại là tự nguyện không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Khoản 2 Điều 136; Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt Nguyễn Thị T 09(Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18(Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thương cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ **02(hai)** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại: chị L, chị H, chị H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CCTHA-DS huyện Phú Bình;
- Bị cáo-BH, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Sái Đức Trung

